

Số: 14/2025/QĐST- DS

Hương Trà, ngày 09 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1; địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - Số A P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Tổng giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Võ Văn Q, ông Lê Đức T – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q1.

- *Bị đơn*: Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1992 và bà Tôn Nữ Hoàng P, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Thôn Q, xã H, thị xã H, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

- Tính đến 29/5/2025, vợ chồng ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền 883.609.343 đồng (Trong đó gồm: nợ gốc là 724.990.000 đồng, nợ lãi là 147.702.862 đồng, nợ lãi chậm trả là 10.916.481 đồng);

- Toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã thoả thuận ký kết từ sau ngày 30/5/2025 cho đến khi vợ chồng ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

2.2. Về phương thức trả nợ:

- Hạn cuối ngày 08/6/2025, ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P phải thanh toán hết khoản nợ trên, nếu ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P không thể thực hiện được thì ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P đồng ý giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn xử lý để thu hồi nợ theo các hợp đồng hai bên đã ký kết, tài sản cụ thể như sau:

Tài sản số 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 663, tờ bản đồ 20, tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 493132, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CS 0275 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/4/2022, mang tên ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P;

Tài sản số 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 664, tờ bản đồ 20, tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 493133, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 02676 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 28/4/2022, mang tên ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P.

- Sau khi phát mãi tài sản, nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán khoản nợ trên và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng sau ngày 08/6/2025, thì ông T1 và bà P còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả toàn bộ nợ cho nguyên đơn; ông T1, bà P còn phải chịu các khoản phí liên quan (nếu có).

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 5.000.000 đồng, các bên thỏa thuận phía bị đơn chịu toàn bộ. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q1 đã nộp tạm ứng, do đó bị đơn là ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu 50% án phí tranh chấp theo quy định là: $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 83.609.343 \text{ đồng})] : 2 = 19.254.140 \text{ đồng}$. Hai bên thỏa thuận bị đơn là ông Lê Ngọc T1 và bà Tôn Nữ Hoàng P chịu toàn bộ án phí 19.254.140 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 18.077.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001720 ngày 12/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Trà.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh